

Bản án số: 1284/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2026

V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Lộc

Ông Nguyễn Kim Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Trúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 500/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 757/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồ L, sinh ngày 22 tháng 11 năm 1980; Căn cước công dân số: 07018000xxxx, cấp ngày 12 tháng 11 năm 2021, nơi cấp: Cục trưởng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Hộ chiếu số: E00049104, cấp ngày 27 tháng 3 năm 2023; Địa chỉ hiện nay: số 57/42A đường M, Thủ đô R, La; Địa chỉ giao nhận văn bản: số 496/1/68 đường Dương Quảng H, phường A, Thành phố H.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Mạnh C, sinh ngày 25 tháng 12 năm 1970; Căn cước công dân số: 00107003xxxx, cấp ngày 30 tháng 5 năm 2022, nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: số 53 Nguyễn S, phường P, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn ngày 13 tháng 2 năm 2026, bản tự khai, bà Nguyễn Thị Hồ L trình bày: Bà và ông Lê Mạnh C là vợ chồng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 106, quyền số 01/2013 tại Ủy ban nhân dân phường P, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 6 năm 2013. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống hòa thuận đến năm 2023 vợ chồng ngày càng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh

phúc. Tháng 10 năm 2024, bà sang nước Latvia sinh sống và làm việc nên vợ chồng bà ly thân từ đó cho đến nay. Bà và ông C cũng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không giải quyết được các vấn đề mâu thuẫn. Vì vậy, bà xin được ly hôn với ông C để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chúng tôi có 01 (một) con chung là Lê Quang V, sinh ngày 26/5/2014. Ly hôn, bà xin nuôi cháu V cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: bà không yêu cầu ông Lê Mạnh C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lê Mạnh C là bị đơn trình bày: ông và bà Nguyễn Thị Hồ L kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân không hợp tính tình gây nhiều tranh cãi, bà Liên đưa con ra nước ngoài, ông đã nhiều lần yêu cầu bà L đem con về nhưng không được. Chúng tôi đã ly thân được 2 năm. Nay bà L xin ly hôn, ông đồng ý vì tình cảm và hôn nhân không thể sống xa nhau.

Về con chung: có 01 (một) con chung tên Lê Quang V, sinh ngày 26/5/2014. Ly hôn, bà L xin nuôi trẻ V, ông đồng ý và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9- Thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: bà L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn ông C. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng:

Do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét, bà Nguyễn Thị Hồ L và ông Lê Mạnh C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại các phiên tòa nên theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông C.

[3] Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị Hồ L và ông Lê Mạnh C đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 106, quyển số 01/2013 tại Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố H cấp ngày 20 tháng 6 năm 2013. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn thì đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà L do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về cách sống và định hướng trong tương lai, còn về phía ông C xác định vợ chồng mâu thuẫn kéo dài không cùng quan điểm sống nên ông C đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa các bên là do không chung quan điểm sống, mạnh ai nấy sống; do đó đây là căn cứ xác định tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

[3.2] Xét về con chung: bà L và ông C cùng khai trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà có 01 con chung là Lê Quang V, sinh ngày 26/5/2014. Hội đồng xét xử xét thấy, bà L xin nuôi cháu Quang V, ông C đồng ý giao con, phù hợp với nguyện vọng của cháu Quang V nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Quang V cho bà L nuôi dưỡng.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: bà L không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[3.4] Về tài sản chung: bà L và ông C khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Về nợ chung: bà L và ông C khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà L nộp tiền án phí theo quy định 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 21; khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồ L:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồ L được ly hôn với ông Lê Mạnh C.

- Về con chung: Giao cháu Lê Quang V, sinh ngày 26/5/2014 cho bà L nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông C do bà L không yêu cầu.

Ông C có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, bà L và ông C đều có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp do yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: bà L và ông C khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: bà L và ông C khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà L phải nộp số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được căn trừ vào số tiền đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014408 ngày 09/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: bà L và ông C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9;
- Thi hành án dân sự TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Huyền